TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2024/KDTM-PT
Ngày: 14/5/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Kim Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thuỷ - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11/4/2024 và 14/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

Do bản án sơ thẩm số 23/2023/KDTM-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1552/2024/QĐPT-KDTM ngày 18/3/2024, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp BT

Trụ sở: 269/29/8/4 Bến PD, Phường F, Quận 8, TPHCM

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ái T

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Thiện H – Công ty Luật AL thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 108 Trần Đình Xu, Phường Nguyễn CT, Quận A, TPHCM

Bị đơn: Công ty Cổ phần T

Trụ sở: số 262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường V, Quận B, TPHCM

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Tấn Trí N

Địa chỉ: 251/45 Lê Quang Định, Phường T, Quận BT, TPHCM

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Kim Thị Châu T

Địa chỉ: 229/64/41/1 Tây Thạnh, Phường TT, Quận TP, TPHCM

- Bà Nguyễn Thị Ngọc L

Địa chỉ: 269/29/8/4 Bến PD, Phường C, Quận 8, TPHCM

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên toà. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp BT (gọi tắt là Công ty BT) và Công ty Cổ phần T (gọi tắt là T) đã có mối quan hệ hợp tác, làm ăn từ năm 2019 cho đến năm 2021, giữa Công ty BT và T đã giao dịch thành công rất nhiều đơn hàng. Tiếp tục duy trì thói quen mua bán hàng hóa giữa hai bên, ngày 28/5/2021 Công ty BT đã đặt đơn hàng gồm 550.000 cây Bút bi B-30 VR và 100.000 cây Bút BT-8 VR COOL để bán cho đối tác là Công ty TNHH R-Mentholatum (gọi tắt là Công ty R). Tổng giá trị đơn hàng đã bao gồm VAT là 1,3 tỷ đồng. Thời hạn giao hàng được ấn định đối với 550.000 cây Bút B-30 VR là ngày 23/06/2021 và 100.000 cây Bút BT-8 VR COOL là ngày 29/6/2021.

Sau khi đặt hàng, Công ty BT đã hoàn tất thanh toán cụ thể:

- Đợt 1: Thanh toán số tiền 780 triệu đồng vào ngày 04/6/2021, tương đương với 60% giá trị đơn hàng.

- Đợt 2: Thanh toán số tiền còn lại là 520 triệu đồng vào ngày 11/6/2021, tương đương với 40% giá trị đơn hàng.

Và T đã xuất cho Công ty BT 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đối với toàn bộ đơn hàng này gồm:

- Hóa đơn số 0004024 lập ngày 09/6/2021 đối với 150.000 cây bút với tổng giá trị là 300 triệu đồng.

- Hóa đơn số 0004041 lập ngày 11/6/2021 đối với 500.000 cây bút với tổng giá trị là 01 tỷ đồng.

Tuy nhiên, T lại không thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ giao hàng cho Công ty BT, T chỉ mới giao cho BT 150.000 cây bút vào ngày 10/6/2021. Số lượng 500.000 cây bút còn lại T không giao cho Công ty BT.

Công ty BT đã rất nhiều lần gọi điện và có các văn bản đề ngày 06/7/2021, ngày 12/7/2021 để yêu cầu T giao hàng nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ T. Kể cả Công ty BT có nhờ Công ty Luật AL phát hành văn bản đề nghị T nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ cho Công ty BT nhưng công ty này vẫn cố tình né tránh và không thực hiện việc giao hàng.

Việc T không tiếp tục giao hàng đã khiến cho Công ty BT bị chậm trễ và không có hàng để giao cho đối tác là Công ty R Do đó, Công ty BT phải tìm kiếm một đơn vị khác là Công ty TNHH Bút Bi BD (gọi tắt là BD) để mua hàng thay thế và giao cho R

Sau khi phải đặt toàn bộ số lượng 500.000 cây bút bi còn lại để thay thế cho số lượng hàng T chưa giao, Công ty BT thấy rằng thiệt hại do hành vi chậm trễ giao hàng của T gây ra cho Công ty BT không còn khắc phục được nữa nên Công ty BT quyết định yêu cầu T phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền 01 tỷ đồng mà Công ty BT đã thanh toán đối 500.000 cây bút chưa giao thông qua văn bản ngày 22/10/2021 và ngày 29/10/2021. Đồng thời, Công ty BT cũng nhờ Công ty Luật AL phát hành thư cảnh báo để cảnh báo các hành vi vi phạm thỏa thuận và những hậu quả mà công ty này sẽ phải gánh chịu. Tuy nhiên, Công ty BT vẫn không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ công ty này. Thấy rằng, hành vi nhận tiền nhưng không giao hàng của T đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty BT, cụ thể:

1. Thiệt hại do mua hàng từ BD giá cao hơn mua hàng từ T.

Vì T không chịu giao hàng đúng hạn nên Công ty BT buộc phải đặt mua 500.000 cây bút bi từ một công ty khác để có hàng giao cho Công ty R Tuy nhiên, vì trên thị trường Công ty BT không tìm mua được loại bút bi như T nên Công ty BT phải đặt một loại bút tương tự từ Công ty BD để thay thế nhưng giá bút mua từ BD cao hơn giá bút mà Công ty BT mua từ T do Công ty BT là khách hàng mới của BD nên không được giá tốt, còn T thì Công ty BT đã có quan hệ làm ăn lâu dài từ năm 2019 nên giá T bán cho Công ty BT có ưu đãi hơn khi Công ty BT mua từ những đơn vị khác, cụ thể:

Mua 160.500 cây bút thông qua Hợp đồng mua bán số 06/21-BĐ-BT/HĐKT-2021 ngày 26/06/2021 với giá trị hợp đồng là 414.892.500 đồng.

Mua 339.500 cây bút thông qua Hợp đồng mua bán số 07/21-BĐ-BT/HĐKT-2021 ngày 16/7/2021 với giá trị hợp đồng là 877.607.500 đồng.

Do đó, khoản tiền chênh lệch do mua hàng từ BD giá cao hơn mua hàng từ T là thiệt hại của Công ty BT với số tiền thiệt hại là (414.892.500 + 877.607.500) - 1.000.000.000 = 292.500.000 đồng.

2. Thiệt hại do phải giảm giá cho Công ty R

Số lượng 500.000 cây bút mà T không giao hàng, Công ty BT không tìm mua được trên thị trường nên chỉ có thể mua hàng tương tự để thay thế. Vì chỉ là loại bút tương tự không đúng loại bút theo thỏa thuận ban đầu nên theo yêu cầu của Công ty R, Công ty BT buộc phải ký Phụ lục Hợp đồng để điều chỉnh hạ giá bút đối với 500.000 cây bút chưa giao so với giá ban đầu, nếu Công ty BT không giảm giá thì R sẽ phạt do vi phạm hợp đồng. Khoản tiền bán bút bị giảm là thiệt hại của BT, với số tiền thiệt hại là 1.755.050.000 - 1.669.250.000 đồng = 85.800.000 đồng.

Như vậy, tổng thiệt hại mà BT phải gánh chịu do hành vi không giao 500.000 cây bút bi của T gây ra là (292.500.000 đồng + 85.800.000 đồng) = 378.300.000 đồng.

Nay Công ty BT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên buộc Bị đơn phải hoàn trả số tiền 01 tỷ đồng mà Công ty BT đã thanh toán đối với số lượng 500.000 cây bút chưa giao.

2. Tuyên buộc Bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm trả đối với số tiền 01 tỷ đồng này, với mức lãi suất nợ quá hạn tạm tính là 12%/năm. Như vậy, số tiền lãi do chậm thanh toán mà Bị đơn phải trả cho Công ty BT tạm tính đến ngày 08/03/2022 là 88.767.123 đồng. Công ty BT bảo lưu yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán đến ngày có Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án.

3. Tuyên buộc Bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho Công ty BT số tiền 378.300.000 đồng.

Tổng cộng là 1.467.067.123 đồng.

Bị đơn – Công ty Cổ phần T có ông Dương Phạm Đăng K đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tháng 5/2021, bà Kim Thị Châu T – Giám đốc kinh doanh T có lập tờ trình số 295-1/2021/TTR-T ngày 28/5/2021 gửi Tổng giám đốc T phê duyệt giá gia công 650.000 cây bút bi cho Công ty R– Metholatum (Việt Nam) với giá gia công thành phẩm là 2.000đồng/cây và đã được phê duyệt.

Tuy nhiên sau đó T phát hiện đơn hàng 650.000 cây bút này lại đem bán cho BT và BT đã thanh toán lô hàng đợt 1 với số lượng 150.000 cây và cũng đã nhận hàng. BT cũng chuyển cho T số tiền 1,3 tỷ đồng, tương ứng với giá trị của 650.000 đồng cây bút bi do V-R đặt trước đó.

Nhận thấy có sự nhầm lẫn về đối tượng được xét duyệt giá bán nên T đã cho rà soát lại toàn bộ quy trình bán hàng, theo đó phát hiện BT không có đơn đặt hàng theo quy trình mà chỉ thông qua bà T. Ban lãnh đạo T đã làm việc với bà T và bà T thừa nhận có sự sai sót trong quá trình xin phê duyệt giá bán, đồng thời thừa nhận giá xin phê duyệt tại tờ trình 295-1/2021/TTR-T ngày 28/05/2021 đã được phê duyệt cho V-R chứ không áp dụng cho BT.

T đã gửi văn bản số 20A/2021/CV-T ngày 12/7/2021 cho BT để thông báo hủy 02 hóa đơn mà T đã xuất trước đó và đề nghị áp dụng giá bán đối với Đại lý theo chính sách giá đã được T công bố trong năm 2021 với giá bán là 2.670 đồng/cây. Đồng thời yêu cầu BT thanh toán số tiền chênh lệch là 494.000.000 đồng trước khi nhận lô hàng 500.000 cây bút còn lại.

Bị đơn có yêu cầu phản tố: Đề nghị Công ty BT phải thanh toán cho T số tiền còn thiếu là 494.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Kim Thị Châu T trình bày:

Trước đây bà làm việc cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại BN với chức vụ Trưởng phòng Kinh doanh. Từ năm 2019, T mua lại BN, bà được phân công giữ chức vụ Giám đốc kinh doanh, dưới sự quản lý của Phó tổng giám đốc kinh doanh và Tổng giám đốc Công ty.

Về quy trình bán hàng của T: Tất cả các hoạt động bán hàng đều phải qua ký duyệt đồng ý của các Tổng giám đốc và Phó Tổng công ty thì mới được xuất hàng

và bán hàng. Những đơn hàng bán không đúng bảng giá đã ban hành đều phải làm tờ trình xin Tổng giám đốc phê duyệt.

Theo thường lệ Công ty cũ trước đây, những khách hàng gia công đã làm nhiều đơn hàng thì không cần lập hợp đồng và sau khi T nhận đơn hàng gia công từ người đặt hàng, người nhận đơn hàng gia công gửi qua zalo cho bộ phận quản lý, sản xuất, bộ phận sản xuất sẽ làm theo đơn đặt hàng. Đến ngày giao hàng, bộ phận kho báo có hàng thì bà mới cho bộ phận admin làm đơn bán hàng đưa bộ phận kế toán kiểm tra giá và số lượng để viết hóa đơn rồi ký tên, sau đó đem xuống cho Phó tổng giám đốc kinh doanh, Phó tổng giám đốc ký duyệt và trình cho Tổng giám đốc duyệt.

Về giao dịch mua bán hàng hóa giữa BT và T:

Từ năm 2019 đến năm 2021, T và BT đã giao dịch thành công rất nhiều đơn hàng bao gồm các sản phẩm: Bút bi GC B30 của R, bút bi bàn không đế GC SP01 của BT; bút bi GC BT8 của Marina Club; bút bi GC BT8 của Intourco; bút bi B30 và SP05 của Ngân hàng Nam Á; bút bi BT8 của Lavela; bút bi GC B30 của ATB; bút bi BT7 của Novotel; v.v…

Vì là khách hàng quen thuộc nên khi BT đặt mua hàng thì T đã không làm hợp đồng mua bán hàng hóa với BT.

Đối với quy trình đặt hàng với đơn hàng 550.000 cây bút bi B30 VR và 100.000 cây bút BT8 VR COOL ngày 28/5/2021 của BT:

BT chuyển phiếu đặt hàng và mô tả hàng hóa cho T thông qua Zalo của bà, trong đó thể hiện số lượng, giá cả, thành tiền và thời hạn giao hàng.

Đối với đơn hàng gia công bút VR, vì số lượng lớn và giá thấp hơn giá công bố nên bà đã có tờ trình Tổng giám đốc của T duyệt giá trước khi nhận đơn hàng. Sau khi tờ trình giá đã được duyệt, bà gửi lại cho BT.

Sau khi BT và T đã thống nhất về số lượng, giá cả, ngày sản xuất, ngày giao hàng … thì BT tiến hành thanh toán đủ tiền đơn hàng.

Sau khi hàng sản xuất xong, bà thông báo cho BT đến nhận hàng.

Vì BT đã thanh toán toàn bộ số tiền lô hàng nên T phải có nghĩa vụ giao hàng đúng thời hạn cho BT. Tuy nhiên T chỉ mới thực hiện một phần nghĩa vụ giao hàng là giao 150.000 cây bút bi, còn 500.000 cây bút bi chưa giao. Việc T không thực hiện việc giao hàng đúng hạn đồng thời ra thông báo hủy 02 hóa đơn giá trị gia tăng và tăng giá bút là không đúng, gây thiệt hại cho BT.

Bà đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Ngọc L có ý kiến tại văn bản ngày 05/7/2023:

Bà là nhân viên tiếp thị làm việc tại Phòng kinh doanh của Công ty Cổ phần T từ ngày 02/01/2019 đến ngày 01/07/2020 thì chấm dứt quan hệ lao động theo Quyết định chấm dứt hợp đồng số 33/2020/QĐNV-T đề ngày 01/07/2020. Ngày 01/07/2020, bà và T ký Hợp đồng môi giới số 02/2020/HĐMG-T, theo đó bà đồng

ý nhận môi giới cho T để bà bán các mặt hàng tập/vở học sinh và các loại mặt hàng văn phòng phẩm khác mà T đang sản xuất kinh doanh và phân phối. Điều này được hiểu như sau: Kể từ ngày 01/07/2020 nếu bà môi giới được khách hàng cho T thì bà được hưởng mức hoa hồng là 05% trên tổng doanh thu thực đạt/tháng. Như vậy, giữa bà và Công ty T là quan hệ hợp đồng môi giới, cộng tác viên.

Bên cạnh đó, có thể thấy rằng thời điểm giao dịch giữa BT và T liên quan đến 650.000 cây bút bi được xác lập khi bà đã chấm dứt quan hệ lao động tại T. Trong quan hệ mua bán hàng hóa giữa BT và T, bà tham gia với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty BT để đàm phán, giao dịch, thiết lập quan hệ mua bán hàng hóa với T. Do đó, giao dịch giữa BT và T được xác lập giữa 02 pháp nhân thương mại, bà không tham gia vào bất kỳ khâu nào của giao dịch này dưới danh nghĩa là cá nhân của bà nên bà không có liên quan đến giao dịch giữa 02 chủ thể pháp nhân là BT và T.

Hơn nữa, bà thấy rằng T đang có sự nhập nhằng giữa hai quan hệ hợp đồng cộng tác, môi giới với cá nhân bà và quan hệ mua bán hàng hóa giữa hai pháp nhân BT và T. Trong trường hợp, T thấy rằng bà đã thực hiện bất kì hành vi nào không đúng với nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng môi giới số 02/2020/HĐMG-T và gây thiệt hại cho T thì T có quyền khởi kiện bà ra một vụ kiện khác.

Đối với giao dịch mua bán 650.000 cây bút bi giữa Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp BT và Công ty Cổ phần T thì bà có ý kiến:

BT và T đã có mối quan hệ hợp tác, làm ăn từ năm 2019 cho đến năm 2021, giữa BT và T đã giao dịch thành công rất nhiều đơn hàng. Tiếp tục duy trì thói quen mua bán hàng hóa giữa hai bên, ngày 28/5/2021, BT và T đã thống nhất chốt đơn hàng với số lượng, giá cả, thành tiền, ngày sản xuất, ngày giao hàng.... cụ thể như sau:

Số lượng sản phẩm: 550.000 cây Bút bi B-30 VR và 100.000 cây Bút BT-8 VR COOL.

Giá bán: 2.000 đồng/cây (đã bao gồm VAT). Tổng giá trị đơn hàng đã bao gồm VAT là 1,3 tỷ đồng.

Thời hạn giao hàng được ấn định như sau: Đối với 550.000 cây Bút B-30 VR: ngày 23/06/2021; Đối với 100.000 cây Bút BT-8 VR COOL: ngày 29/6/2021.

Sau khi đặt hàng, BT đã hoàn tất việc thanh toán thành 02 đợt, cụ thể như sau:

Đợt 1: Thanh toán số tiền 780 triệu đồng vào ngày 04/6/2021, tương đương với 60% giá trị đơn hàng.

Đợt 2: Thanh toán số tiền còn lại là 520 triệu đồng vào ngày 11/6/2021, tương dương với 40% giá trị đơn hàng.

Và T đã xuất cho BT 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đối với toàn bộ đơn hàng này gồm: Hóa đơn số 0004024 lập ngày 09/6/2021 đối với 150.000 cây bút với tổng giá trị là 300 triệu đồng và Hóa đơn số 0004041 lập ngày 11/6/2021 đối với 500.000 cây bút với tổng giá trị là 01 tỷ đồng.

Tuy nhiên, T lại không nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ giao hàng cho BT. Cụ thể, T chỉ mới giao cho BT 150.000 cây bút vào ngày 10/6/2021. Số lượng 500.000 cây bút còn lại T không giao cho BT. BT đã rất nhiều lần gọi điện và có các văn bản đề ngày 06/7/2021, ngày 12/7/2021 để yêu cầu T giao hàng nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ Công ty này.

Sau đó, thông qua văn bản ngày 22/10/2021 và ngày 29/10/2021 BT yêu cầu T phải hoàn trả lại số tiền 01 tỷ đồng mà BT đã thanh toán tương ứng với 500.000 cây bút bi chưa được giao. Thế nhưng, đến nay T vẫn không hoàn trả lại cho BT.

Mặt khác, hành vi không tiếp tục giao hàng của T đã khiến cho BT bị chậm trễ và không có hàng để giao cho đối tác là Công ty R Do đó, BT phải tìm kiếm một đơn vị khác là Công ty TNHH Bút Bi BD để mua hàng thay thế và giao cho Công ty R, đồng thời BT buộc phải giảm giá sản phẩm cho R

Bà đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử sơ thẩm của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng, đồng thời phải chịu tiền lãi chậm trả cho đến khi xét xử sơ thẩm số tiền 406.288.685 đồng; bồi thường thiệt hại số tiền 378.300.000 đồng. Tổng cộng là 1.784.588.685 đồng.

- Bị đơn xác định tuy hai bên không có hợp đồng giao dịch hoặc hợp đồng mua bán nhưng BT và T đều đã xác nhận rằng có giao dịch thương mại giữa BT và T đối với việc mua bán 650.000 cây bút bi. Sau khi phát hiện bên mua hàng và thanh toán toàn bộ lô hàng 650.000 cây bút bi theo nội dung tờ trình số 295-1/2021/TTR-T ngày 28/5/2021 áp dụng giá bán hàng cho R nhưng lại bán cho BT là lỗi của bà Kim Thị Châu T (giám đốc kinh doanh của T) và bà Nguyễn Thị Ngọc L (cộng tác viên có ký hợp đồng môi giới với T). Tại buổi làm việc ngày 22/06/2021 giữa ban lãnh đạo Công ty T, bà T và bà L đã thừa nhận sai phạm và đồng ý cam kết sẽ thực hiện các biện pháp để hoàn tất việc mua bán nói trên nhưng bà L không thực hiện. Mặt khác quá trình thực hiện giao dịch thì các bên không thống nhất được địa điểm giao hàng nên T vẫn chưa thể giao hàng. Việc đến thời điểm này các bên chưa thể hoàn tất hợp đồng thương mại là do bà L và BT không thực hiện đúng các cam kết đã được hai bên thống nhất tại buổi làm việc ngày 22/6/2021 điều đó dẫn đến các bên chưa thống nhất được các điều kiện chi tiết để thực hiện hoàn tất một giao dịch thương mại. Do đó T nhận thấy không có lỗi trong việc chưa giao hàng cho BT mà hiện nay T cũng đang là đơn vị bị thiệt hại vì T phải chịu các phí tổn về bảo quản và lưu kho hàng hóa số lượng 500.000 cây bút bi còn lại chưa giao nên T không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 1.000.000.000 đồng mà BT đã thanh toán trước đó; Do T và BT không có hợp đồng mua bán thỏa thuận cụ thể đơn hàng nên việc áp dụng không đúng giá bán này là do lỗi của bà T. T áp dụng giá bán áp dụng cho các Đại lý của T đối 650.000 cây bút bi bán cho BT là 2.760 đồng/cây. Tổng giá trị lô hàng là 1.794.000.000 đồng. BT đã thanh toán được 1.300.000.000 đồng nên BT còn phải thanh toán cho T là 494.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Giao dịch thương mại giữa các bên được xác lập bằng hành vi cụ thể theo Điều 24 của Luật Thương mại. BT đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán 1.300.000.000 đồng như thỏa thuận với T đồng thời T đã giao được 150.000 cây bút và xuất 02 hóa đơn bán hàng với tổng giá trị 1.300.000.000 đồng. Như vậy việc T không giao 500.000 cây bút còn lại là vi phạm nghĩa vụ làm cho BT phải thỏa thuận lại với R về hạ giá bán và phải đặt mua của Công ty BD, tổng thiệt hại là 378.300.000 đồng. Ngoài ra T còn phải trả tiền lãi chậm trả phát sinh từ số tiền mà BT đã ứng trước mà không được giao theo Điều 306 Luật Thương mại và Án lệ số 09/2016/AL số tiền là 406.288.685 đồng.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2023/KDTM-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp BT:

Buộc bị đơn - Công ty Cổ phần T phải trả cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp BT số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp BT có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp BT về việc buộc bị đơn - Công ty Cổ phần T phải trả tiền lãi chậm thanh toán 406.288.685 (bốn trăm lẻ sáu triệu hai trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm) đồng và bồi thường thiệt hại số tiền 378.300.000 (ba trăm bảy mươi tám triệu ba trăm nghìn) đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn – Công ty Cổ phần T về việc buộc nguyên đơn - Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp BT phải trả số tiền 494.000.000 (bốn trăm chín mươi bốn triệu) đồng.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần T phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng và đối với yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận là 23.760.000 (hai mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng. Tổng cộng là 65.760.000 (sáu mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Công ty Cổ phần T được cấn trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.880.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0007452 ngày 08/7/22022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3. Công ty Cổ phần T còn phải nộp số tiền 53.880.000 (năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp BT phải chịu án phí đối với yêu cầu về tiền lãi chậm thanh toán không được Tòa án chấp nhận là 20.314.434 (hai mươi triệu ba trăm mười bốn nghìn bốn trăm ba mươi bốn) đồng và đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại không được Tòa án chấp nhận là 18.915.000 (mười

tám triệu chín trăm mười lăm nghìn) đồng. Tổng cộng là 39.229.434 (ba mươi chín triệu hai trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi bốn) đồng.

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp BT được cấn trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.006.007 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007075 ngày 22/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp BT còn phải nộp số tiền 11.223.427 (mười một triệu hai trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi bảy) đồng

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/8/2023, các đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

- Nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả với số tiền là 412.395.534 đồng; ngoài ra buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 378.300.000 đồng.

- Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 407.815.397 đồng và bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 378.300.000 đồng. Đối với phần quyết định của Toà án Quận 3 về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000, nguyên đơn không kháng cáo. Như vậy, tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là 1.786.115.397 (Một tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu một trăm mười lăm ngàn ba trăm chín mươi bảy) đồng.

Bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm với các lý do: Toà án nhân dân Quận 3 đánh giá chưa đúng về chứng cứ là tờ trình số 295-1/2021/TTR-T ngày 28/5/2021, đồng thời chưa xem xét đầy đủ lời trình bày của bà L và bà T, không đưa Công ty R vào tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2023/KDTM-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng kinh tế, là loại tranh chấp về kinh doanh thương mại. Căn cứ vào trụ sở của bị đơn, Toà án nhân dân Quận 3 đã thụ lý giải quyết theo trình tự thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Nguyên đơn xác định ngày 28/5/2021, nguyên đơn đã đặt đơn hàng gồm 550.000 cây bút bi B-30 VR và 100.000 cây bút bi BT-8 COOL để bán cho đối tác là Công ty TNHH R-Mentholatum (sau đây gọi là Công ty R) với tổng giá trị đơn hàng đã bao gồm VAT là 1.300.000.000 đồng. Thời hạn giao hàng được ấn định đối với 550.000 cây Bút B-30 VR là ngày 23/06/2021 và 100.000 cây Bút BT-8 VR COOL là ngày 29/6/2021. Sau khi đặt hàng, nguyên đơn đã thanh toán hoàn tất số tiền nêu trên làm 2 đợt vào ngày 04/6/2021 và ngày 11/6/2021. Đồng thời bị đơn đã xuất hai hoá đơn giá trị gia tăng số 0004024 ngày 09/6/2021 đối với 150.000 cây bút tổng giá trị là 300.000.000 đồng, hoá đơn số 0004041 ngày 11/6/2021 đối với 500.000 cây bút với tổng giá trị là 1.000.000.000 đồng. Mặc dù đã nhận đủ tiền và xuất hoá đơn nhưng bị đơn không tiếp tục giao 500.000 cây bút còn lại cho nguyên đơn và yêu cầu điều chỉnh giá bán. Nguyên đơn không đồng ý với giá bán tăng thêm của bị đơn, không yêu cầu giao tiếp số bút còn lại và yêu cầu bị đơn phải hoàn lại số tiền 1.000.000.000 đồng tương đương với giá trị 500.000 cây bút mà bị đơn vi phạm thời hạn giao hàng; đồng thời phải trả tiền lãi chậm thanh toán và bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn do việc vi phạm hợp đồng của bị đơn, dẫn đến việc nguyên đơn phải đặt hàng nơi khác để bù vào số lượng còn thiếu để giao cho Công ty R

Bị đơn trình bày, mặc dù các bên không lập hợp đồng giao dịch hoặc hợp đồng mua bán nhưng bị đơn xác nhận giữa Công ty BT và và Công ty T có thoả thuận việc mua bán 650.000 cây bút bi. Nguyên nhân bị đơn không tiếp tục giao 500.000 cây bút còn lại cho nguyên đơn là do bị đơn phát hiện có sự nhầm lẫn về việc áp dụng giá bán hàng. Giá bán hàng theo tờ trình số 295-1/2021/TTR-T ngày 28/5/2021 chỉ được áp dụng cho Công ty R, không áp dụng cho Công ty BT. Lỗi dẫn đến việc áp dụng giá bán hàng không đúng đối tượng là lỗi của bà Châu Thị Kim T và bà Nguyễn Thị Ngọc L. Bị đơn không có lỗi trong việc chưa giao hàng cho nguyên đơn, ngoài ra bị đơn cũng là bên bị thiệt hại vì phải chịu các phí tổn về bảo quản và lưu kho hàng hoá số lượng 500.000 cây bút còn lại. Do đó, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, đề nghị Toà án buộc nguyên đơn phải thanh toán số tiền chênh lệch là 494.000.000 đồng và bị đơn hoàn tất việc giao hàng cho nguyên đơn.

[2.2] Căn cứ Tờ trình số 295-1/2021/TTR-T ngày 28/5/2021, Hội đồng xét xử xét thấy về nội dung, tờ trình đã thể hiện rõ Phòng Kinh doanh do bà Kim Thị Châu T ký tên xin xét duyệt giá bán và chi huê hồng môi giới cho Công ty TNHH R – Mentholatum (Việt Nam) đối với mặt hàng là bút bi GC B30, BT8; số lượng 650.000 cây. Theo đó, giá bán được đề xuất là 2.000 đồng/cây.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định Công ty BT đặt hàng 650.000 cây bút của Công ty T và bán cho đối tác là Công ty R – Mentholatum (Việt Nam) với giá gia công thành phẩm là 2.000 đồng/cây, giá đã được phê duyệt. Tuy nhiên nội dung của tờ trình 295-1/2021/TTR-T ghi rõ đối tượng được duyệt giá bán như trên đối với khách hàng là Công ty TNHH R – Mentholatum (Việt Nam). Tất cả các nội dung tại tờ trình đều không đề cập đến việc thoả thuận giá mua bán với Công ty BT.

[2.3] Tại phiên toà, Luật sư của nguyên đơn cho rằng bị đơn không thể căn cứ vào tờ trình mang tính chất nội bộ của Công ty T để nâng đơn giá và đề nghị đưa Công ty R vào tham gia tố tụng, vì có thể xảy ra trường hợp sau khi nguyên đơn khởi kiện tại Toà án thì bị đơn mới làm tờ trình để bổ sung hồ sơ khởi kiện. Do đó nguyên đơn không đồng ý yêu cầu của bị đơn đưa Công ty R vào tham gia tố tụng.

Xét văn bản trình bày của bà Kim Thị Châu T, bà Nguyễn Thị Ngọc L cùng các chứng cứ do bị đơn cung cấp như bản ghi âm buổi làm việc giữa bà T, bà L và đại diện bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xem xét vai trò của của bà Châu T và bà L tham gia vào quá trình phê duyệt giá bán của Công ty T.

Mặt khác, trong quá trình thu thập chứng cứ, các bên đương sự chưa cung cấp cho Toà án chứng cứ để chứng minh về chính sách giá bán đặc biệt của bị đơn đối với Công ty R, chính sách giá bán của bị đơn đối với các khách hàng khác không phải là Công ty R; để làm rõ thêm tình tiết này thì nguyên đơn và bị đơn cần phải cung cấp thêm chứng cứ chứng minh.

Hội đồng xét xử xét thấy Công ty TNHH R – Mentholatum (Việt Nam) có liên quan đến việc tranh chấp giữa Công ty BT và Công ty T nên cần thiết phải đưa Công ty R vào tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền 1.000.000.000 đồng tương ứng với 500.000 cây bút chưa giao và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn trong khi chưa làm rõ các chứng cứ và lời trình bày của các bên liên quan là chưa đầy đủ và toàn diện. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của nguyên đơn về việc không đưa Công ty R tham gia tố tụng.

[2.4] Sau khi nghe các đương sự tranh luận cùng với việc xem xét các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định lỗi vi phạm hợp đồng xuất phát từ cả hai phía nguyên đơn và bị đơn nhưng bản án sơ thẩm không thu thập chứng cứ đầy đủ để xác định mức độ lỗi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi bên, đồng thời không xem xét yếu tố lỗi là chưa khách quan và toàn diện. Sau khi làm rõ được các vấn đề trên thì mới giải quyết được tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn và có cơ sở để buộc trách nhiệm, nghĩa vụ đối với bên vi phạm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy do phát sinh tình tiết mới nên để đảm bảo cho quyền lợi của các đương sự trong vụ án thì cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân Quận 3 giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 148, do huỷ bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần T.

- Áp dụng Điều 30, Điều 38, Điều 148, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2023/KDTM-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 3 giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp BT không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp BT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2022/0000880 ngày 07/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty cổ phần T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2022/0000877 ngày 30/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2] Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Đoan Trang